

TRUY MÔN CẢNH HUÁN

QUYỂN 1

THIÊN SƯ QUY SƠN ĐẠI VIÊN RẪN NHẮC

Nghiệp ràng buộc nên thọ thân, chưa khỏi hệ lụy của thân, nhận di thể của cha mẹ, nhờ các duyên mà chung thành, tuy là bốn đại giữ gìn nhau nhưng thường chống trái nhau. Vô thường, già bệnh không hẹn với người, sớm còn tối mất, giây lát đã qua đời khác. Thí như sương xuân mới sớm, chợt có rồi không, cây bờ miệng giếng đâu được lâu dài, miệng niệm mau chóng, trong khoảng sát-na, thở ra không thở vào tức là đời sau, sao lại an nhiên để cho thời gian luống qua. Không dâng thức ngon ngọt cho mẹ cha, vốn chia lia sáu thân, không thể an nước trị dân, việc nhà xả bỏ không ai kế thừa. Xa lia hàng xóm, cạo tóc theo thầy, trong siêng công phu khắc niệm, ngoài mở rộng đức không tranh cãi, xa hẳn trần thế, mong ngày ra khỏi.

Vì sao mới vừa thọ giới liền xưng mình là Tỳ-kheo, đàn-việt dâng cúng, ăn dùng của thường trụ, không nghĩ từ đâu đem đến, cho rằng đúng pháp phải như thế. Ăn rồi chụm đầu tán gẫu, chỉ nói chuyện tạp thế gian. Cho nên, một bề chạy theo cái vui, không biết vui là nhân khổ, nhiều kiếp theo trần, không hề tỉnh lại, thời giờ luống qua, năm tháng dần dà, thọ dụng dồi dào, cúng dường nông hậu, trải qua nhiều năm không nghĩ lia bỏ, chứa nhóm càng nhiều, giữ gìn thân huyễn. Bạc Đạo sư có dạy, khuyên răn Tỳ-kheo, tiến đạo nghiêm thân, ba thứ thường không đủ, con người thường tham luyến ba thứ này không thôi, ngày qua tháng lại chợt đã bạc đầu. Kẻ hậu học chưa nghe chỉ thú, phải nên thưa hỏi bậc tiên tri, e cho sự nghiệp xuất gia chỉ là cơ áo. Phật trước chế luật là mở sáng cho người, phép tắc oai nghi trong sạch như băng tuyết, chỉ trì tác pháp bó buộc sơ tâm, điều chương nhỏ nhiệm sửa đổi các lỗi lầm. Nơi giảng tỳ-ni chưa từng đến học thì liễu nghĩa thượng thừa làm sao phân biệt? Đáng tiếc một đời trôi qua luống uổng, về sau hối hận không kịp. Giáo lý chưa từng để lòng, đạo huyền không do đâu

khế ngộ. Đến lúc tuổi cao hạ lớn, bụng rộng tâm cao, không chịu gằn gủi bạn lành, chỉ biết cao ngạo, chưa hiểu pháp luật, hoàn toàn không thúc liễm, hoặc lớn tiếng la lối, nói năng vô độ, không kính Thượng Trung Hạ tọa, chẳng khác Bà-la-môn nhóm họp, khoa chén bát rỗng rỗng, ăn xong dậy trước, trái với phép tắc, hoàn toàn không có tăng thể, đi đứng thô tháo làm động tâm niệm người, không còn mảy may phép tắc, chút chút oai nghi, lấy gì chỉ dạy con em, người học sao chẳng biết bắt chước ai. Vừa bị nhắc nhở, liền nói mình là vị tăng ở núi nên chưa nghe lời Phật dạy hành trì, một bề tâm còn thô tháo. Sự thấy biết như thế là do sơ tâm lười biếng, lần lựa qua ngày, mặc tình nhân gian, nên thành què kệch. Bất giác già nua lụm cụp, gặp việc không giải quyết được, người học sau thưa hỏi chẳng biết lấy gì chỉ dạy, dù có chỉ dạy cũng không hợp với kinh điển, nếu bị coi thường liền trách nhỏ mà vô lễ, tâm tức giận bùng lên, lời nói lẩn át người.

Một khi nằm trên giường bệnh, các khổ vây quanh ép ngặt, sớm chiều suy nghĩ, trong tâm bàng hoàng, đường trước mịt mờ, chưa biết về đâu. Bấy giờ mới biết hối lỗi, đến lúc khát mới đào giếng thì đâu kịp, tiếc rằng mình không chuẩn bị tu hành từ trước, tuổi già quá nhiều lầm lỗi, lúc sắp qua đời thì tâm bất loạn, kinh hoàng sợ hãi, lồng mở chim bay, thức tâm theo nghiệp, như người thiếu nợ, chủ nợ nào mạnh thì lòi được. Tư lòng nhiều mối, chỗ nào nặng thì nghiêng về. Quỷ vô thường giết người, niệm niệm không dừng, mạng sống không thể kéo dài, thời gian không thể chờ đợi được, trời người ba cõi đều chưa thoát khỏi, thọ thân như thế chẳng kể kiếp số. Cảm thương than thở, rất đổi thương thay, đầu thế im lặng, nên răn nhắc nhau. Chỉ tiếc là cùng sinh vào cuối thời tượng pháp, thời kỳ cách Phật đã xa, Phật pháp hoang sơ, người thường biếng nhác. Lược trình bày chỗ thấy nhỏ hẹp của mình để dắt dẫn kẻ hậu lai, nếu không đáng vất bỏ thì thật khó thay đổi.

Xuất gia là cát bước về phương trời cao vượt, thân tâm khác tục, nối tiếp làm hưng thịnh hạt giống của bậc Thánh, nhiếp phục ma quân, để đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi. Nếu không như thế thì chỉ lạm vào hàng ngũ Tăng chúng, lời nói hành vi thô tục, luống dùng của tín thí. Nhiều năm mà việc làm một bước cũng không dời, hoảng hốt một đời, lấy gì nương cậy, hướng chi đường đường tăng tướng, dung mạo dễ nhìn, đều do đời trước có gieo trồng gốc lành nên chiêu cảm quả báo tốt đẹp như thế này, sao lại an nhiên khoanh tay, không quý thời giờ, sự nghiệp không siêng năng, công quả không do đâu thành tựu. Há có thể một đời luống qua, sự nghiệp đời tương lai cũng không chỗ nương tựa. Từ già

cha mẹ quyết chí xuất gia, ý muốn vượt đến phương trời nào kia, sớm tối suy nghĩ, đầu thế kéo dài qua buổi. Tâm mong làm rường cột của Phật pháp, để làm gương soi cho đời sau, thường được như thế còn chưa thể có chút phần tương ứng. Lời nói ra phải hợp với kinh điển, bàn luận phải y cứ vào sách xưa. Hình dung đỉnh đặc, ý khí cao nhân. Đi xa phải nhờ bạn lành, thường làm trong sạch tai mắt mình. Trong cuộc sống cần phải chọn bạn để thường được nghe những điều chưa nghe, cho nên nói: người sinh ra ta là cha mẹ, còn người thành tựu cho ta là bạn lành. Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không ước áo nhưng dần dần thấm nhuần. Gần gũi người ác làm tăng thêm ác tri kiến, sớm tối làm ác, quả báo ngay trước mắt, về sau đắm chìm. Hễ mất thân người thì muôn kiếp khó được lại, lời nói thật thì khó nghe, há không ghi khắc vào tâm hay sao? Phải rửa tâm gọi đức, mai danh ẩn tích, tôi luyện tinh thần, dứt bật ồn náo.

Nếu muốn tham thiền học đạo, vượt qua cửa phương tiện, tâm khế hợp bến huyền, nghiên cứu căn cơ mâu nhiệm, quyết dọn pháp sâu kín, khởi ngộ nguồn chân, thưa hỏi bậc tiên tri, gần gũi bạn lành. Tông này khó được chỗ nhiệm mâu của nó, phải dè dặt dụng tâm cẩn thận. Khi đã đốn ngộ được chánh nhân thì chính là thêm thang để ra khỏi trần lao. Đó là phá ba cõi, hai mươi lăm hữu, các pháp trong ngoài đều biết không thật. Từ tâm biển khởi đều là giả danh, không cần đem tâm trở về, chỉ cần tình không phụ vật, vật đâu ngại người. Nhậm vận pháp tánh cùng khắp, không dứt không nối. Nghe tiếng thấy sắc là việc bình thường, bên kia bên này ứng dụng không thiếu. Oai nghi như thế thật không uổng mặc pháp phục, cũng là đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, đời đời nếu không lui sụt, thêm Phật chắc chắn bước lên, làm người khách qua lại trong ba cõi, sống chết đều làm phép tắc cho người. Cho nên pháp học này là nhiệm mâu nhất, cao siêu nhất, chỉ cần tâm khăng định, hẳn không lừa dối nhau. Nếu có bậc trung lưu chưa thể đốn siêu thì nên để tâm vào giáo pháp, ôn tâm kinh Phật, nghiên cứu nghĩa lý, truyền bá phô bày, dắt dẫn hậu lai, đền ân đức Phật. Thời gian cũng chẳng luống uổng, cần phải lấy đó mà giữ gìn, trong mọi cử chỉ oai nghi đều là pháp khí trong tăng. Há không thấy dây sắn leo trên cây tùng mà vượt cao ngàn tằm, nương gá vào nhân tốt mới có lợi ích rộng lớn. Tha thiết tu hành trai giới, chớ xem thường mà vượt qua. Đời đời kiếp kiếp nhân quả tốt đẹp. Không thể lơ láo qua ngày, lần lựa qua buổi. Phải tiếc thời giờ, nếu không cầu tiến lên thì luống tiêu của tín thí mười phương. Cũng là cô phụ bốn ân, chứa nhóm càng sâu, tâm trần dễ lấp, gặp việc không

giải quyết được, bị người xem thường. Người xưa nói: Kia đã là trượng phu thì ta đây cũng như vậy, không nên tự xem thường mình mà lui sụt. Nếu không như thế thì xuất gia luống uổng, lơ láo một đời, không được lợi ích gì. Vậy mong khởi chí mạnh mẽ, mở ra hoài bão đặc biệt, trong mọi việc làm đều nhìn các bậc thượng lưu khác, chớ theo những kẻ dung tục tầm thường. Đời nay cần phải quyết định, lo liệu không do người khác, dứt ý quên duyên, không xúc đối với các trần, tâm không cảnh lặng, chỉ vì trệ ngại lâu ngày không thông. Xem kỹ văn này thường răn nhắc. Gượng làm chủ tử, chớ theo nhân tình, nghiệp quả kéo lôi thật khó trốn tránh. Âm thanh hòa khí tiếng thuận, hình thẳng thì bóng ngay, nhân quả rõ ràng, há không lo sợ hay sao? Cho nên kinh nói: Dù trăm ngàn kiếp, nghiệp đã gieo không mất, khi nhân duyên gặp nhau thì phải chịu quả báo. Cho nên biết trong ba cõi hình phạt trời buộc giết người, hãy cố gắng siêng tu, chớ để ngày tháng luống qua. Biết rõ tội lỗi nên mới khuyên nhau hành trì, nguyện trăm kiếp ngàn đời nơi nào cũng đồng là bạn pháp. Bèn làm bài minh rằng:

*Thân huyễn nhà mộng, vẫy sắc trong không
Mé trước vô cùng, mé sau đâu biết.
Sống đây chết kia, lên xuống mệt nhọc
Chưa khởi ba luân, lúc nào thôi dứt
Tham luyến thế gian, ám duyên thành chất
Từ sinh đến già, chẳng được điều gì
Vô minh căn bản do đây mê hoặc
Nên tiếc thời giờ, sát-na chẳng lường
Đời này qua sông, đời sau bít lấp
Từ mê đến mê, đều do sáu giác
Sáu đường qua lại, ba cõi xuống lên
Sớm hỏi minh sư, gần gũi cao đức
Quyết chọn thân tâm, loại bỏ gai góc
Thế gian phù hư, duyên đâu ép ngặt
Nghiên cứu pháp lý, ngộ là phép tắc
Tâm cảnh đều quên, chớ ghi chớ nhớ
Sáu căn an nhiên, đi đứng vắng lặng
Một tâm không sinh, muôn pháp đều dứt.*

BÀI VĂN TÔN TẶNG CỦA THIÊN SƯ MINH GIÁO TUNG

Kinh dạy phải tôn trọng Chư Tăng, vì sao? Vì tăng là người lấy Phật làm tánh, lấy Như Lai làm nhà, lấy pháp giới làm thân, lấy trí tuệ

làm mạng sống, lấy thiền duyệt làm thức ăn. Cho nên không cậy vào thế tục, không làm việc thế gian, không trau chuốt hình hài, không ham sống, không sợ chết, không đắm mê năm vị. Chư Tăng ngừa thân có Giới, nhiếp tâm có định, biện minh có Tuệ. Nói về công năng giữ giới của chư Tăng là để sạch trong ba hoặc, suốt đời không ô nhiễm. Nói về định, thì suy nghĩ chân chánh, thân minh suốt ngày không loạn, nói về tuệ là sùng đức, rõ mê lầm, tất nhiên như thế. Dùng (giới) này tu (sửa thân) gọi là nhân; nhờ (đức) này mà thành gọi là quả. Chư Tăng đối với mọi loài thường có tâm từ bi, có đại thệ, đại tuệ. Từ là thường muốn an muôn vật; Bi là muốn cứu vớt các khổ; Thệ là thệ cùng với người trong thiên hạ thấy được lý chân đế; Tuệ là ban rải tình thương đến chúng sinh bằng chánh pháp. Thân mà thông nên trời đất không thể che. Mặt mà hạnh nên quỷ thần không thể lường. Chư Tăng giảng nói Phật pháp lời lẽ không đui lý, chư Tăng hộ trì chánh pháp, hăng hái không đoái nghĩ tới thân mình. Nhẫn được những điều người đời không thể nhẫn, làm được những việc người đời không thể làm. Chư Tăng nuôi mạng chân chánh bằng cách khát thực để sống, nhưng không vì thế mà hổ thẹn. Chư Tăng không tranh đua với đời, vì thế người đời nên nhẫn nhục mà không nên khinh khi. Chư Tăng không biết oán thù vì thế người đời nên hòa đồng, mà không nên tổn hại. Chư Tăng dùng thật tướng mà đối đãi với muôn loài, cho đến dùng hạnh để tu thân. Cho nên, (chư Tăng) đối với (người) trong thiên hạ luôn hòa thuận và được khắp thiên hạ cung kính. Lời nói của chư Tăng không gian dối nên rất có uy tín. Chư Tăng tu pháp vô ngã nên được mọi người kính nhường một cách thành thật. Có uy đáng răn bảo cho người, có Nghi đáng làm phép tắc cho người, được người trời ngưỡng vọng vẻ trang nghiêm đáng sợ, năng ban phúc lành cho người đời, năng dắt dìu người thế tục. Chư Tăng quên hình hài đem thân thí cho cầm thú mà không hối tiếc. Chư Tăng đọc tụng (kinh điển), dẫn mình xông lướt nắng mưa mà chẳng bỏ mất thời khóa, theo Phật pháp thực hành, đi khắp nhân gian xóm làng, xem công danh như tiếng vang trong hang trống, nhìn lợi lộc như hạt bụi bay, coi vật sắc như tia nắng mùa xuân, săn sóc người bệnh tật nghèo khổ, cùng đi chung với kẻ ô hợp trên xe kiệu mà chẳng bị thấp hèn. Dùng đạo lý mà cư xử dù là ở chốn núi sâu hang cùng. Lấy cỏ cây làm áo (mặc), dùng rau trái (để) nuôi thân mà vẫn an nhiên tự đắc. Không thể dùng danh lợi khuyến dụ, không thể dùng quyền thế khuất phục, không làm dân của vua chúa, chư hầu mà chẳng phải là cao. Chư Tăng sống đời sống độc lập, dùng đạo pháp làm sẽ sống cao cả của mình. Tuy chỉ có

hình và bóng đối nhau mà chẳng thấy cô đơn. Chư Tăng ở chung với đại chúng đông vậy, lấy Phật pháp làm quyến thuộc, họp người trong bốn biển lại sống chung mà vẫn không bị lộn xộn. Chư Tăng là bậc tham học chân chánh, dù là ba tạng mười hai bộ hay các sách vở của trăm nhà dị đạo, chẳng môn nào không hiểu biết. Ngôn ngữ dù khác phương, phong tục dù khác lạ, nhưng chẳng điều gì không thông suốt. Nói theo phương pháp của người trước thì có văn có chương, hành theo Trung đạo thì chẳng chấp có chấp không. Chỗ tuyệt học của Chư Tăng là lianiệm thanh tịnh, thuần chân nhất như, không còn có chỗ phân biệt. Chư Tăng là người rất cao quý, có tâm hồn rộng lớn, đức hạnh đầy đủ, đạo học cao vời, chư Tăng là bậc Hiền, nhưng chẳng phải là bậc Hiền của người đời thường gọi. Chư Tăng là bậc Thánh nhưng chẳng phải là bậc Thánh của người đời thường xưng. Chư Tăng chính là Thánh hiền của đạo xuất thế sao siêu, chư Tăng là như thế, chẳng đáng tôn trọng sao!

PHÁP SƯ CÔ SƠN TRÍ VIÊN DẠY HỌC TRÒ

Than ôi! Đại pháp suy tàn, cách Phật càng xa. Kẻ mặc áo pháp tuy đông, nhưng người nghĩ đến đạo thì rất ít, cứ mãi tranh đua theo thanh danh, thế lợi, tự cho là giỏi. Nhìn sự lưu thông của Phật pháp là trò đùa, làm cho pháp môn bị chìm mất. Lưới giáo pháp sắp rách, thật chỉ biết trông chờ vào hậu cơn có khả năng gánh vác đạo pháp mà thôi!

Các trò phải phát tâm rộng lớn như hư không mà thỉnh pháp, giữ thân trong sạch như băng tuyết mà nương thầy, gần thì hy vọng ở việc lập thân dương danh, xa thì ước mong bỏ phàm thành Thánh. Phát huy trở lại đời Tượng pháp, nếu không phải các trò thì là ai? Cho nên các trò phải tu sửa thân tâm và làm theo lời nói, thận trọng lúc cuối cùng như lúc đầu. Các trò phải siêng năng học tập, phải cẩn thận khi hành tàng. Tránh bạn ác như tránh cọp sói, gần bạn lành như gần cha mẹ, thờ thầy quên mình, hết lễ vì pháp. Có điều tốt đừng tự khoe, lỡ phạm lỗi mau sửa đổi, giữ điều nhân nghĩa, vững bền không lay chuyển, ở cảnh nghèo khó mà vẫn an vui vô tư. Tự nhiên lìa xa các họa, càng gần các phúc. Đâu nên gà vào hình tượng mà hỏi mạng, nịnh nọt mong tìm phát đại vinh hoa, cũng không chọn lựa ngày giờ, cầu qua khỏi thời vận xấu khó. Đây là kiến thức sâu xa của thầy Sa-môn, cũng thật là vọng tình của kẻ tục tử. Cho nên thấy người hiền mà làm sao cho bằng họ làm điều nhân chẳng phải nương thầy, mến hạnh cầu pháp của Tuyết Sơn, học theo chí cả của đồng tử Thiên Tài tìm thầy. Danh lợi không đủ sức chuyển lay hoài bão, sinh tử cũng không đáng để nghĩ lo. Ví như được

công thành danh toại, (sự toại), thì chắc chắn phải từ gần đến xa. Không khoe danh mà danh tự hiển bày. Chẳng vờی chúng mà chúng tự tìm đến. Trí tuệ đầy đủ để soi sáng mê lầm, từ biết rộng sâu để nhiếp thâu quần chúng? Gặp lúc cùng thì riêng tu cho chính mình, gặp lúc đạt thì dùng nhiều lành giáo hóa thiên hạ. Khiến cho chân phong sắp dứt được chấn hưng trở lại, được tuệ đã tắt lại được thấp sáng, như thế mới đáng gọi là bậc Đại trưởng phu, mới đáng gọi là sứ giả Như Lai. Đâu nên thân ở trong trường giảng, mà vết lẩn chỗ hèn, ở chốn nhơ xấu thì không có cách ngăn, đối với hạnh giải thì không thấy đáng sợ, cho đến chứa lâu thành tánh, tự diệt thân mình, mới tu thì bảo là mền bậc Hiền này, tu lâu rồi thì thấy bị chìm trong hạng xấu, những kẻ như thế thật đáng thương thay! Kinh Thi chép: “Nếu chẳng có trước, thì ít được có sau”. Là nói ý trên đây. Người căn khí bậc trung trở lên thì chẳng rần dè ư?

Hay lại bày đặt giới tuệ chia tông, đại tiểu khác học, tất cả đều từ trong tâm Phật tuôn ra, ý muốn giữ pháp giới để cùng về. Bởi người sau chưa hiểu mối to, nhân đó mà chấp theo chỗ y cứ. Người học kinh luận thì cho người học giới là vật bỏ, người ở Luật tông thì cho kinh luận là luống nươg. Người học pháp Đại thừa thì chê bỏ Tiểu thừa, kẻ nghe pháp Tiểu thừa thì khinh chê Đại pháp, chỉ thấy theo một phía của thầy mình khen riêng, liền chấp vào đó mà công kích phải quấy lẫn nhau. Đâu biết ý Phật thường dung thông các pháp. Nếu người đạt ngộ mà chưa thấu suốt kia đây, thì lẽ ra phải giúp đỡ lẫn nhau, cùng thuận thực cơ duyên. Giống như muôn dòng về nguồn, đều chảy ra biển, trăm quan coi việc đều nói hết lòng với vua, chưa thấy ai giữ một nhánh mà toan lấp các dòng, coi việc tư mà muốn phế việc công. Đấng Pháp vương dù lòng từ giáo hóa, gồm nhiếp hết chúng sinh mỗi pháp đều có người coi giữ. Người theo Tiểu luật như chức quan Thượng thư (coi việc Lễ hình). Người theo Đại thừa như quan Tể tướng, người làm phước như chức quan Công bộ (kinh tế), người trước tác (soạn bài Châm, bài Quy) như chức quan Ngự sử. Ở quốc gia thì có hàng trăm quan, đều lo làm việc, giống như trong Phật giáo của chúng ta có nhiều tông phái cũng cùng nhau giảng thuyết. Ai hiểu rõ ý chỉ này thì đâu chấp là dị đoan. Nên phải lượng tài năng của mình mà rộng truyền phụ diễn. Người bản tánh thông minh thì học rộng là tốt, người kiến thức cạn cợt thì chuyên môn là được. Nếu được như vậy tuy mỗi người truyền bá tông phong riêng mà đều chung thành. Từ bi cứu giúp cùng khắp, đồng về biển cả hòa hợp.

Như thế thật là kim chỉ nam cho đường tối, là cái mỗ của giáo

môn. Ở địa vị thật tướng không thẹn đức thì thẳng lên quả Phật chắc chắn chẳng nghi. Các trò không nên khoe khoang tri kiến hẹp hòi, gây dựng tâm cống cao ngã mạn, xem thường các bậc Tiên giác, lừa dối kẻ hậu sinh. Cho dù nói là có nghe giáo tìm thầy đi nữa, cũng chưa thể bù đắp được tội lỗi đâu!

Lời nói của tôi có đúng hay chẳng, thì các trò hãy suy nghĩ đi.

KHUYẾN HỌC BÀI THƯỢNG (VÀ LỜI TỰA)

Người căn tánh bực trung biết chuyên tâm vào việc học, lại có người lười biếng việc học, nên tôi (Trung Dung Tử) mới làm bài khuyến học này.

Ôi! Học không thể có phút giây nào được lười biếng. Đạo không thể có phút giây nào xa lìa được. Vì đạo học mà hiểu rõ thì học có thể lười biếng được sao, lãnh vực của Thành Hiền cũng từ Đạo mà có thì Đạo có thể xa lìa được chẳng? Cho nên cái học của người thường nếu không lười biếng thì sẽ đến được bậc Hiền, cái học của người Hiền mà không lười biếng thì sẽ đến được bậc Thánh. Như sức học của thầy Nhiễm Cầu có thể bằng thầy Nhan Uyên mà không theo bằng thầy Nhan là vì nửa chừng sinh tâm lười biếng. Cho nên Nhiễm Cầu thưa với Đức Khổng tử rằng: “Chẳng phải con chẳng ham thích đạo của thầy, chỉ vì còn chẳng dư sức theo đuổi”. Khổng Tử bảo rằng: “Kẻ chẳng đủ sức, đi giữa đường rồi bỏ, còn trò bây giờ lại tự mình giới hạn lấy mình, chẳng chịu tiến tới chứ đâu phải chẳng đủ sức” (Thiên Ung dã, bài thứ 10).

Sức học của thầy Nhan Uyên có thể bằng Đức Khổng Tử mà không bằng bậc Thánh sư, là vì thầy ấy đoán mạng chết non. Nếu ông không chết non thì biết đâu thầy lại bằng Đức Trọng Ni. Vì thầy không lười biếng đối với việc học, cho nên nói: Có thầy họ Nhan hiểu học nhưng chẳng may mạng ngắn chết non. Bây giờ thì không còn ai nữa!

- Có người hỏi: Bậc Thánh mà còn học sao?

- Trung Dung nói: Sao người lại nói như thế? Phàm dân với người Hiền còn biết học thì bậc Thánh há lười biếng đối với việc học ư! Kia, tánh cương của Trời vẫn còn học tánh nhu của đất, cho nên trời không xâm phạm bốn mùa. Tánh nhu của đất vẫn học tánh cương của trời. Cho nên Đất sinh ra vàng đá. Tính phát sinh của khí dương mà cũng phải học cái đức tính tức sát của khí âm, nên không làm cỏ cây bị chết. Tánh tức sát của khí âm vẫn phải học tánh phát sinh ở khí dương, cho nên rau má, lúa tẻ mới sống được. Nói về trời, đất, khí âm, khí dương mà còn phải

học giao tiếp lẫn nhau không lười biếng. Cho nên, mới tạo thành muôn vật được. Trời không học tánh nhu thì không lấy gì để che. Đất không học tánh cương thì không do đâu để chở. Khí dương không học khí âm thì chẳng lấy gì để mở, khí âm không học khí dương thì không do đâu để đóng. Sự học của bậc Thánh không khác, nên bắt chước trời đất, âm dương mà thực hành. Bốn cái học này không lười biếng thì bậc Thánh đâu có lười biếng. Nghe đến đây thì người hỏi liền đứng dậy chấp tay thưa rằng: Tôi là người ngu hèn may gặp được thầy giúp trị thấy được chỗ ngu tối của mình, vậy xin thầy từ bi nói cho tôi nghe về cái học của bậc Thánh.

Trung Dung Tử nói: Người hãy ngồi xuống đây, ta sẽ nói cho người nghe. Trong kinh há chẳng chép: “Kẻ cuồng nếu nghĩ thì sẽ nên bậc Thánh, bậc Thánh nếu không nghĩ thì sẽ thành kẻ cuồng. Vì thế, bậc Thánh vội vàng gấp rút chẳng hề không nghĩ đến chánh đạo để học, vậy Phu Tử là bậc Thánh tài năng vượt chúng, trí tuệ hơn người, từ khi có loài người đến nay chưa từng có ai bằng được Phu Tử, thế mà khi Khổng Tử vào nhà Thái miếu thấy mỗi việc mỗi hỏi, đó là Ngài học với người ở nhà Thái miếu. Khổng Tử nói trong ba người cùng đi với mình, thì trong đó hẳn có người làm thầy mình, nên chọn điều hay của người đó mà theo, đó là Ngài học với người cùng đi đường. Khổng Tử đến đất Châu thì đến hỏi lễ với Lão Tử, đó là Ngài học với quan Trụ sử. Như thế há nói là Thánh Trọng Ni không bằng người ở nhà Thái miếu, người cùng đi đường và quan Trụ sử hay sao? Vì bậc Thánh sợ người đời chẳng chịu nghĩ đến chánh đạo nên Ngài học đó, thì như kẻ cuồng ngôn cũng biết được thế nào rồi. Cho nên nói rằng: “Hẳn có người trung tín như Khổng Khâu, nhưng không có người hiểu học như Khổng Khâu.

- Người học lại nói: Bậc Thánh là người khi sinh ra đã biết rồi thì cần gì phải học nữa?

- Trung Dung Tử đáp: Biết mà vẫn học là bậc Thánh, còn phải do học mới biết là người thường, chẳng có người nào không từ học mà biết. Khổng Tử nói: “Người Quân Tử chẳng thể không học”. Thầy Tử Lộ nói: núi Nam có loại trúc chẳng cần uốn mà tự nó vẫn thẳng, nếu chặt nó dùng để làm tên thì bắn thủng được da con tê. Lấy đây mà suy ra thì có trường hợp không cần phải học. Khổng Tử nói: Vót cây quát để làm mũi tên, nhọn mà vẫn cứ mài, thì khi bắn nó vào đích, sẽ cắm sâu hơn, Thầy Tử Lộ lại vói Đức Khổng tử mà thưa rằng: Con xin kính nhận lời thầy dạy.

Ôi! Cái học của bậc Thánh đâu không vót mũi tên cho thêm nhọn,

sắc mà lại mài để khiến cho đi sâu vào đạo, há người sinh ra đã biết thuận nhiên mà không học ư!

KHUYẾN HỌC BÀI HẠ

Nói về Thánh hiền còn phải chuyên chú vào việc học, nên từ (địa vị) Thánh hiền trở xuống đâu ai không học mà thành người được?

Học cũng như việc cơm ăn, áo mặc vậy. Loài người có chia ra bậc Thánh, bậc Hiền và kẻ thứ dân. Tuy ba bậc có khác nhưng lúc đói đòi ăn, lúc khát đòi uống, khi lạnh đòi mặc cũng chẳng khác nhau thì việc học đâu có khác nhau. Chỉ có cặm thú, đất đai, cây cỏ thì không phải học thôi. Ôi! Kẻ ngu ham thích ăn uống không nhàm chán, dần thân tìm kiếm tài lợi không biết nghỉ, đến khi học tập thì có người sớm học tối lười, có người mùa xuân học, mùa đông lười. Nếu chỉ ham thích uống ăn, đam mê tài lợi không biết mệt mỏi, thì sao chẳng lo làm nên bậc học rộng, không nghĩ trở nên trang Quân tử ư?

Hỏi rằng: Trên đời có những kẻ quá ngu, đến nỗi không phân biệt được sự khác nhau giữa đậu và lúa mì, không hiểu được hơi lạnh và hơi nóng thay đổi ra sao, những người như thế mà bảo là học được ư? Há có thể dạy được ư?

Thưa rằng: Những kẻ quá ngu đó là do không dạy bảo, không học tập mà ra. Nếu có thầy tận tâm dạy dỗ không biết mỏi, kẻ ngu (đó) có lòng chăm học không lười biếng thì lãnh vực của Thánh hiền họ cũng sẽ bước lên được, lo gì việc không phân biệt giữa đậu với lúa mì? Và lại kẻ ngu khi khát vẫn biết uống, lúc đói vẫn biết ăn, trời lạnh vẫn biết mặc, họ biết được ba việc này thì đã khác với cỏ cây rồi, sao bảo rằng họ không học được, không dạy được. Những kẻ quá ngu trong một ngày há lại không thể nhớ nổi một lời nói sao? Nếu cứ chứa góp từ một ngày đến một tháng thì sẽ nhớ được ba mươi lời rồi, và chứa góp từ một tháng đến một năm thì sẽ ghi nhớ được ba trăm sáu mươi lời? Mà chứa góp nhiều năm nối nhau không lười biếng thì cũng sẽ trở thành người học rộng. Lại nữa, sau mỗi ngày lấy một điều tốt nhỏ mà học làm theo, chứa góp từ một ngày đến một tháng thì mình đã làm được ba mươi điều tốt rồi, chứa góp từ một tháng đến một năm thì mình làm được ba trăm sáu mươi điều tốt rồi, mà chứa góp nhiều năm nối nhau không lười biếng, thì chẳng tới bậc Quân tử hay sao? Vì ngu là tiểu nhân, mà không thay đổi, là do họ không học.

Trung Dung Tử bùi ngùi than rằng: Ta thường thấy có người hồ thẹn vì trí không bằng người, tài mình không thông minh bằng người mà

bỏ học tập, chứ chưa thấy có ai hổ thẹn vì ăn uống chẳng nhiều bằng người mà bỏ việc ăn uống bao giờ. Bỏ ăn uống thì hại mạng sống của mình, sao lại hổ thẹn ở việc ăn uống không nhiều ư! Bỏ việc học tập thì đồng với cầm thú, đất đai, cây cỏ thì sao phải hổ thẹn vì tài trí chẳng bằng người ư! Nếu hổ thẹn vì tài trí không bằng người mà không học thì cũng không nên hổ thẹn vì ăn uống không bằng người mà bỏ ăn uống. Lấy đây mà xét thì đâu chẳng lầm to vậy.

Trung Dung Tử nói: Ta cũng là người rất ngu dốt; thường so sánh tài trí của mình thì thấy không theo kịp người khác rất xa. Nhưng vì hiểu rằng việc ăn uống đối với ta không thể bỏ được, nên đối với việc học tập không bao giờ dám bỏ dỡ. Năm ta bốn mươi bốn tuổi tuy gặp lúc thân thể bị bệnh tật hoành hành rất nguy hiểm, nhưng tay cũng không hề dám rời sách vở, vì bị đồng hóa với đất cây cầm thú. Ta không dám mong cầu đạt tới lãnh vực của bậc Thánh, cũng chẳng dám cầu tới bậc Văn đạt. Dù có lúc cũng dạo quanh trong sân nhà hay rong chơi ngoài đồng cỏ để dưỡng tinh thần, mắt nhìn lòng nghĩ nhưng cũng không hề dám bỏ việc học tập.

Bởi lên núi thì nghĩ học vấn cao như núi, đến gần nước thì nghĩ học vấn trong như nước, ngồi trên đá thì nghĩ học vấn chắc như đá, nhìn cây thông thì nghĩ học vấn xanh tươi như cây thông, ngắm trăng thì nghĩ học vấn sáng suốt như vầng trăng, muôn cảnh bao la trước mắt đều có cái sở trường của nó, cho nên ta đều có thầy để học. Đối với muôn cánh không biết nói năng mà ta còn học được thì huống chi là người biết nói năng, cho dù muôn lời ác đi nữa cũng phải có một lời (lành), ta trông theo điều lành đó để học tập thì ai dám nói là không đúng ư!

Trung Dung Tử nói: Đời có những việc tìm cầu mà không đạt được, lại có những việc tìm cầu mà đạt được. Tìm cầu mà không đạt được là lợi lộc, còn tìm cầu mà đạt được là đạo đức. Kẻ tiểu nhân đối với lợi lộc, tuy muôn việc tìm cầu mà muôn việc không được thì họ càng tìm cầu dữ dội hơn. Người quân tử đối với Đạo tìm cầu chắc chắn được, mà trông lên đường đi thì có tâm run sợ, tự nghĩ sợ sức mình không đủ. Đây là tội của kẻ tiểu nhân cầu lợi.

Đức Khổng Ni nói: Điều nhân cao xa, nếu ta muốn điều nhân, điều nhân đó sẽ đến, câu nói này có nghĩa là hễ quyết chí tìm cầu thì sẽ đạt được.

VÂN PHÁP SƯ CHÙA CẢNH ĐỨC Ở CÔ TÔ KHUYÊN HỌC MƯỜI MÔN VÀ LỜI TỰA

Ngọc không giữa không thành đồ tốt, người không học không biết đạo lý. Vân tôi năm mười lăm tuổi thì dốc chí vào việc học, dần dà qua tuổi, phút chốc đã già, năm tháng chất chồng mới biết sơ chỉ thú. Lại than thuở trước, sao để mất y chỉ này, giờ đây tuổi tác như mặt trời đã xế qua cành dâu, sợ học không kịp nữa. Do đó mà kể ra mười môn để giúp đỡ kẻ hậu côn, nên phải chuyên chú học tập thì mới thành công và giúp việc hoàng giáo lại được hiển bày.

I- KHÔNG TU HỌC, KHÔNG THỂ THÀNH

Kinh Niết-bàn chép: Hễ người có tâm đều sẽ thành Phật. Vì sao! Vì tất cả chúng sinh đều có tâm Phật. tánh này rộng suốt linh minh, vắng lặng thường hằng, nếu bảo có thì nó vốn không hình không tên nên chẳng thấy được, còn nếu bảo là không thì sao Thánh hiền đều nhờ đây mà linh giác? Do chúng sinh từ đời vô thủy vì một niệm bất giác tự mê lầm, nên bị phiền não ngăn che, bỏ mất bản thể sáng suốt này, làm sinh ra các duyên ràng buộc, luống phải rơi vào sáu đường. Bởi thế bậc Đại giác Thế Tôn vì lòng từ bi xót thương chúng sinh bị mê mờ nên mới lập ra ba pháp học vô lậu là Giới, Định, Tuệ. Đạo lý này rộng lớn, chỉ rõ cho chúng sinh thấy rằng: vốn từ bản thể chân như thanh tịnh, nhưng vì một niệm bất giác mà khởi lên vọng tưởng nên có luân hồi sinh tử. Vì thế, Đức Như Lai lập ra nhiều pháp môn làm khuôn mẫu cho chúng sinh tu tập, là để giúp dứt vọng về chân. Nếu tin nhận lời Phật, thuận theo thầy học thì đó chính là nương thuyền từ mau vượt qua bể khổ, là thêm thang để bước lên chánh đạo, ai ra khỏi ba cõi mà không từ cửa ngõ, nào chẳng do đạo này?

II- KHÔNG BỂ GÃY, THÌ KHÔNG THỂ HỌC

Thuyết văn chép: Ta thí xả thân ta. Kinh Hoa Nghiêm chép: Kẻ phàm phu không có trí tuệ thường chấp đắm vào thân. Kinh Pháp Hoa cũng chép: Ngã mạn tự khoe cao, tâm đua nịnh không thật chúng sinh do kiến chấp của bản ngã, sinh tâm kiêu mạn cống cao, chẳng biết hổ thẹn mình không có trí tuệ, cần quấy cho mình là cao quý, thấy điều lành không thuận theo, không nhận sự dạy bảo của sư trưởng, với người hiền không gần gũi nên cách đạo rất xa. Cho nên, người muốn cầu pháp, phải bể gãy tâm ngã mạn, trắng trong lặng lẽ để suy nghĩ đạo lý, cúi mình thấp lễ, kính thờ bậc trưởng thượng, tôn sư trọng đạo, người

hiền đức thì nghĩ sao cho bằng họ. Như Ngài Cưu-ma-la-thập khi mới xuất gia theo học pháp Tiểu thừa, đến đánh lễ Tôn giả Bàn-Đầu-Đạt-Đa mà cầu pháp, đó là người bậc dưới kính người bậc trên, hành động này gọi là kính trọng bậc tôn túc. Sau này, Tôn giả Bàn-đầu-đạt-đa theo học pháp Đại thừa, đánh lễ trở lại Ngài Cưu-ma-la-thập để cầu học, đây là người bậc trên kính người bậc dưới, hành động này gọi là tôn kính người Hiền. Cho nên sách Chu Dịch chép: Khiêm Cung là gốc của đạo đức. Kinh Thư chép: Người chẳng khoe mình nên thiên hạ chẳng tranh công với người. Thầy Yến Tử nói đến người chức tước càng cao thì ý phải càng hạ thấp, quan vị càng lớn thì tâm phải càng nhỏ lại, bổng lộc càng hậu thì hạnh thí xả càng phải rộng. Thầy Tử Hã nói: Kính mà không mất, cung mà có lễ, trong bốn biển đều là anh em.

III- KHÔNG CHỌN THẦY, THÌ KHÔNG ĐƯỢC PHÁP.

Loài chim khi sắp đậu sẽ chọn chốn rừng xanh, con người khi cầu học, phải lựa bậc Minh sư. Vì bậc Minh sư chính là người làm khuôn phép cho đời. Khuôn không thành khuôn, phép không ra phép, từ xưa đến nay có rất nhiều.

Người đáng làm khuôn phép, ở đời chỉ có hai hạng người:

1- Người có trí tuệ rộng lớn thấu suốt hạnh nghiệp bền vững, cũng như đèn sáng trong phòng kín mà ánh sáng vẫn thấu qua kẽ hở.

2- Người tuy hiểu biết rộng thấu suốt, nhưng việc làm còn dấu vết, cũng như người phạm tội cầm đèn sáng soi đường tối cho người khác. Hai bậc cao tọa này đều có đủ phép tắc, đáng làm khuôn phép cho người đời. Còn kẻ đức hạnh bị kém thiếu hay chạy theo thời thế danh vọng thấp hèn, cúi luồn nương dựa, trọn đời cứ chạy theo cảnh trần.

Đời Đông Tấn có An Pháp sư, xuất gia năm mười hai tuổi, hình dáng An đen đúa xấu xí nên bị thầy xem thường, và giao cho An công việc ngoài đồng áng. An phải làm lụng vất vả suốt ba năm mới cầu được thầy chỉ dạy. Khi được thầy trao đổi ý kinh, An phải mang kinh ra đồng nhân lúc nghỉ mới xem được. Đến chiều về chùa thì phải trả lại cho thầy, thế mà ý kinh an đã ngấm lâu. Bấy giờ, vị thầy kinh ngạc, liền cho An cạo tóc cho thọ giới cụ túc, và cho đi du học. An liền đến đạo tràng của Tôn giả Phật-đồ-trường xin tham học. Phật-đồ-trường vừa nhìn thấy liền lấy làm lạ khen rằng: Lạ thay cậu bé này, đúng thật là con ngựa giỏi. Nếu không gặp được bậc Thanh Nhãn thì khốn, phải bị đóng vào xe thồ rồi, trừ Bá Nhạc ra thì đâu thể thấy được cái đẹp của con tuần mã đi ngàn dặm này. Cho nên người xuất gia phải cẩn thận chọn

lựa kỹ càng. Nếu xét thấy vị thầy có khả năng giúp mình trưởng thành thì mới sửa đủ lễ tư bảm làm đệ tử mà theo học.

Vì thế, Tổ Nam Sơn có nói: người chân thật xuất gia vì sợ bốn oán nhiều khổ, vì chán ba cõi là vô thường, nên già từ sáu thân thương mến, bỏ đi năm dục đắm sâu, như thế mới thật gọi là xuất gia chân thật và mới có thể tiếp nối bậc tiên giác làm hưng thịnh ngôi Tam bảo, độ thoát bốn loài, lợi ích sâu rộng, công đức chẳng thể lường được.

Thời gian gần đây, chân giáo bị lún kém, gió tuệ đã ngừng thổi. Ngoài thế tục thì có tâm khinh mạn, trong nhà đạo thì phi pháp. Do thầy không có tâm rắn bảo, trò thì thiếu chí vâng làm, cả hai rời bỏ nhau, vọng chạy theo cảnh quấy. Suy tàn như thế mà muốn cho đạo pháp được sáng rực thì đâu có thể được vậy.

IV- KHÔNG TỤNG TẬP, THÌ KHÔNG THỂ NHỚ

Ghi chép những lời hay để trì tụng, Tôn giả Ca-diếp và A-nan giữ gìn đầy đủ được tám muôn bốn ngàn pháp tạng, cho nên các bậc cao Đức ở Tây Vực cũng như Đông Hạ khi độ người xuất gia tuổi nhỏ học tập, đều dạy việc trì tụng làm trước, như ngài Phật-đồ-trùng trong một ngày tụng được mấy trăm muôn lời kinh Phật. Ngài Phật-đà-bạt-đà, Hán dịch là Giác Hiền cùng vài người bạn đồng học lấy sự trì tụng làm chính nghiệp. Công phu trì tụng của người khác phải đến một tháng mới xong, thì Giác Hiền chỉ cần một ngày là nhớ được, nên thầy Ngài khen rằng: “Sức học của Giác Hiền chỉ trong một ngày (thôi) mà có thể bằng được ba mươi người”. Còn những kẻ ngu tối há trong một ngày lại không nhớ được một lời hay sao? Nếu cứ lấy tháng này nối tháng (lấy tháng) nối năm, chưa góp công phu thì (tất nhiên) sẽ rộng lớn, chồng chất thời khóa hẳn cũng sâu xa, Đạo pháp từ chỗ ít nhỏ mà sinh thì lo gì không có chỗ lập thân.

V- KHÔNG HỌC VIẾT, KHÔNG NHỜ ĐÂU ĐỂ TRUYỀN BÁ.

Viết là như, nghĩa là kể lại việc đúng như ý người. Giữ những chuyện hiện đời không cho quên mất, nên phải viết chép để lưu truyền đến đời sau, nên viết thành sách, có như thế mới giúp cho giáo phong không bị diệt mất, đạo pháp mãi mãi bay thơm. Cho nên kinh luật của họ Thích khi kết tập được viết trên lá bối. Thi thư của Khổng Tử lúc san định được viết vào thẻ trúc. Nếu ta không học viết thì việc học sẽ khó thành. Nghĩ lại tài hùng biện vô ngại của Đại Sư Trí Giả, thì chỉ có ích cho căn cơ đương thời mà thôi, nếu việc mở mang truyền bá mà không

có sức cầm bút của Ngài Chương An, thì làm sao ngày nay còn lưu lại được.

Cho nên, có bậc cao đức ở nước Kế-tân là Tôn giả Bàn-đầu-đạt-đa, từ sáng đến trưa tay viết bài kệ, từ trưa tới chiều miệng đọc ngàn câu kinh, xong y theo Thánh ý, viết sao cho danh tự ngay thẳng mới thôi, chứ đừng bắt chước theo thế gian mà khổ công luyện tập, nét thảo nát lệ tinh xảo.

VI- KHÔNG HỌC THƠ, THÌ KHÔNG CÓ LỜI.

Nói ra lời lành, thì ngoài ngàn dặm cũng ứng theo. Thi, là lời văn tỏ ý khen chê, ngữ thanh đúng với niêm luật, như thi Quốc Phong thì đơn hậu, thi Nhã Tụng thì ôn nhu, văn tài hoa mỹ, ngữ khí thanh các, lời lẽ dồi dào, ý tứ tươi đẹp. Tập lâu thì bàn nói sẽ hay, vừa đọc thì luôn ra lời đẹp, kia xưng Tứ Hải Tập Tạc Xỉ, đây đối lại di thiên Thích Đạo An. Thời ấy có ông Nguyễn Chiêm người đất Trần Lưu cười nhạo rằng: Triều đại Tấn đang lúc hưng thịnh khắp thiên hạ ai ai cũng hưởng giàu sang sao các ông sa môn không để râu tóc, bỏ ca sa, cởi áo đạo mà mặc lụa, gấm cho sướng thân?

Ngài Hiếu Long nghe được việc ấy liền trả lời rằng: chúng tôi, những người phát nguyện hiến mình vì đạo, giữ lấy một pháp là để thân khí được tiêu dao, chỉ có đạo vắng lặng mới là chí thành tuyệt đối. Những việc cạo râu tóc, hủy dung mạo, đổi y phục biến hình hài, tuy người đời cho đó là nhục, nhưng chúng tôi vất bỏ vinh hoa vì không để tâm trong cảnh giàu sang nên càng được giàu sang, không để tâm ở việc cầu đủ mà vẫn được đầy đủ.

Ôi! Các bậc tôn đức này trong khí phách có chứa hương vị chi lan nên lời nói mới thoáng ra phong thái cao đẹp như thế. Tuy không gần với kẻ dung tục mà vẫn tiếp xúc được với bậc thanh tài. Phật pháp đã trông cậy vào các bậc vua quan, nên sự mở mang đạo pháp phải tập thêm thi phú (văn chương). Ngài Chi Tuần đem thơ dâng lên cửa khuyết, ngài Đạo Lâm ẩn dật chốn Đông Sơn. Nếu các Ngài chẳng phải là bậc tài cao đức trọng thì đâu cảm được (bậc) Thân vương kính phục thế kia. Phải bỏ đi những lời cuồng giả, vì đó chỉ là những lời hư dối mà thôi.

VII- KHÔNG XEM RỘNG, THÌ KHÔNG CHỖ Y CỨ

Cao Tăng Truyện chép: Nếu không học rộng thì lời nói sẽ không có chỗ y cứ. Nên biết những việc luống dối xưa nay phải hiểu danh

nghĩa của tiếng Hoa, tiếng Phạm. Đạo khắp biển giáo ba tạng, chơi trong rừng lời sáu kinh. Có như thế thì lời mới không vọng bần, nói mới có điển cứ. Cho nên Tập Tạc Xỉ khen ngợi Pháp sư Đạo An rằng: Sư Đạo An là người trong lòng thì thành thật, bên ngoài thì nhiều chỗ rộng bước. Sách vở trong đạo ngoài đời đều đã xem qua, toán số âm dương thấy đều thông hiểu, nghĩa mẫu kinh Phật là chỗ lâu thông thường đạo chơi. Thời Hoàng Đế Chân Tông cho vời quan Thị Độc họ Lý đến uống rượu. Lúc ấy, Trọng Xung liền đứng lên cố từ chối rằng: Thưa Quan Gia suốt thần khí. Lúc đó, Hoàng Thượng bèn hỏi: Vì sao khanh gọi Trẫm là Quan Gia.

Trọng Dung thưa rằng: Tâu Hoàng Thượng! Thần có nhớ trong luận Tướng Tế Vạn Cơ có chép: Tam Hoàng là Quan của Thiên hạ, Ngũ Đế là Gia của Thiên hạ. Bộ hạ gồm cả đạo đức của Tam Hoàng và Ngũ Đế nên thần gọi là Quan Gia. Vua nghe xong vui mừng nói: Thật đúng với câu vua tôi ngàn năm một thuở gặp nhau. Lời nói lưu loát của Trọng Dung là do học vấn chất chứa trong mình và nhớ nhiều lời của người trước nên không bị vướng lụy vào thân.

VIII- KHÔNG TRÁI VIỆC, THÌ KHÔNG THỂ BIẾT

Khổng Tử nói: Ta không phải là bậc Thánh, chẳng qua vì ta có nhiều kinh nghiệm trong việc làm đó thôi. Khi Khổng Tử đi qua nhà Thái Miếu thường gặp việc, đó là ngài muốn nhắc nhở những kẻ không lo tính để chẳng mất pháp độ. La-hán tuy là bậc Thánh mà khi thấy muối đỏ cũng không biết. Đông Phương Sóc tuy là bậc Hiền mà gặp kiếp tro cũng chẳng rõ. Đó là do hề thấy thì nhiều hiểu biết, còn chưa thấy thì mờ mịt vậy thôi. Hậu chúa đời Lý có một bức tranh vẽ con trâu. Ban ngày thì thấy con trâu đứng ở ngoài chuồng, ban đêm thì thấy nó về đứng ở trong chuồng. Ông ta dâng bức tranh đó lên vua Thái Tông. Vua liền đem treo ở Hậu Uyển (sau vườn để các quan cùng xem). Nhưng không một ai biết được vì sao như thế! Chỉ có vị Tăng lục tên Tấn Ninh tâu với vua rằng: ở đất Nam uy khi mực nước biển cạn xuống thì bãi cát lộ ra, người dân bèn nhặt trai, trong thịt của con trai có những giọt nước mắt, hòa hai thứ này thành màu để vẽ hình thì nét vẽ ban ngày sẽ ẩn mất, ban đêm sẽ hiện ra, lại ở núi ốc Tiêu, khi có những cơn gió lốc thổi bạt vào đá, chợt có đá rơi xuống bờ biển, hứng được những giọt nước này hòa lại làm màu để vẽ hình thì ban ngày nét vẽ sẽ hiện ra, ban đêm sẽ ẩn mất. Lúc ấy các học sĩ đều cho lời nói của vị Tăng lục là không y cứ, Tăng lục Tấn Ninh tâu vua rằng: Thưa truyện này có chép trong bộ

Trương khiên Hải ngoại dị ký. Thời gian sau Đỗ Hạo xem trong Tam Quân thơ mục quả nhiên thấy sách Lục triều bản cũ có chép chuyện này. Đây là do tài học rộng nhớ dai nên gặp việc có chỗ ứng dụng.

IX- KHÔNG TÌM BẠN, KHÔNG NHỜ ĐÂU MÀ THÀNH

Sinh thân ta là do cha mẹ, nên thân ta là nhờ bạn lành. Cho nên người Quân tử tìm bè bạn để cùng nhau giảng dạy học tập. Lấy văn để họp bạn, lấy bạn để giúp lòng nhân. Phẩm tháo của người vật bàn bạc đều khác nhau. Ví như viên ngọc đã cắt lại giữa, đã giồi lại mài. Ông Lưu Hiếu Tiêu nói: gây dật điều nhân nghĩa, trau dồi việc đạo đức, cùng vui niềm vui của bạn, cùng xót cảnh đổ vỡ của bạn. Gửi chung thần thức dưới linh đài để lại dấu vết trong chốn giang hồ. Mưa gió đập vùi mà không ngừng ngọng tiếng, tuyết sương lất phát mà chẳng phai sắc màu. Đó chính là bản chất giao du của bậc hiền đạt, trải muôn đời mới được một lần hội ngộ. Đời Đông Tấn, lúc Pháp sư Đạo An chưa thọ giới. Một hôm trên đường tham học, An dừng chân tại một quán trọ, gặp được sa-di Tăng Quang cũng nghỉ ở đấy. Hai người bèn cùng nhau trò chuyện và bày tỏ chí nguyện của mình. Trong câu chuyện hàn huyên làm cho tinh thần hai người hăng hái, có sự tương đắc, lúc chia tay nói rằng: Sau này nếu chúng ta trưởng thành xin đừng quên chốn này. Thời gian sau, Tăng Quang học thông kinh luận ẩn cư ở núi Phi Long. Đạo An sau cũng tìm đến núi ấy, hai người gặp nhau vui mừng khôn xiết, vì nhớ lời hứa năm xưa nên mới theo dấu tìm nhau. Do đó hai người bèn cùng nhau mở văn rớt ý và tỏ ngộ được rất nhiều chân lý mới lạ. Đạo An nói: Cách nghĩa của người xưa, An tôi thấy đối với chân lý có nhiều chỗ khác nhau, ở (đạo) sư huynh thấy thế nào? Tăng Quang đáp: chúng ta hãy nên phân tích hạnh tiêu dao chứ sao lại để cho những lời phải quấy xúc phạm đến bậc Tiên Đạt. Đạo An nói: Hoàng Hóa tán dương lý giáo, nên làm cho người đời tin nhận, trống pháp đưa vang, thì đâu có trước sau. Khi ấy, có vị tăng tên Đạo Hộ cũng ẩn cư tại núi Phi Long bèn bảo những người chung quanh rằng: chúng ta là những người ở chốn vắng lặng lánh xa trần tục, tuy muốn giúp lòng an trụ trong Đại Pháp, nhưng đâu nên riêng bước mãi trong sơn môn, khiến cho bánh xe chánh pháp phải ngừng quay. Tuy nhiên cũng phải tùy năng lực từng người mà hóa đạo khắp nơi để đền ơn Đức Phật. Lúc ấy, An và Quang cùng thưa với Đạo Hộ rằng: Lời thầy dạy rất đúng, chúng con xin vâng theo. Sau đó cả hai đều xuống núi đi hoằng hóa Phật pháp.

X- KHÔNG QUÁN TÂM, THÌ KHÔNG THỂ THÔNG SUỐT.

Kinh Duy-ma chép: Pháp giải thoát của chư Phật, phải nương vào tâm hạnh của chúng sinh mà tìm. Vì sao? Vì trong kinh Hoa Nghiêm đời Tấn dịch có chép: Tâm như người thợ vẽ, tạo các thứ năm ấm, trong tất cả thế gian, thấy đều từ tâm đạo. Như Tâm, Phật cũng vậy, như Phật, chúng sinh cũng vậy. Tâm Phật và chúng sinh, ba pháp không sai khác. Bởi tâm là mẹ của chư Phật và chúng sinh. Tâm cũng chính là nguồn cội của y báo và chánh báo. Cho nên, kinh Lăng-nghiêm chép: Các pháp sinh ra chỉ do tâm hiện, tất cả nhân quả cho đến thế giới nhiều như cát bụi cũng từ tâm mà Thánh thể. Nếu nói tâm là có thì cũng ví như tiếng đàn không hầu, đi tìm thì không thấy. Còn muốn nói tâm là không thì cũng giống như tiếng đàn không hầu, khảy đấy cũng vang tiếng, chẳng có mà chẳng không, mầu nhiệm là ở trong đó! Cho nên kinh Ban-Chu Tam-muội chép: chư Phật từ tâm mà được giải thoát, tâm là gì? Tâm là tên gọi bản thể vô cấu thanh tịnh trong năm đường mà vẫn tốt đẹp như băng trong, không bị sắc trần hoen ố, hiểu được tâm này thì đại đạo mới thành.

Nói theo mười môn này mà trên làm dưới học, nếu không biếng nhác, thẳng tiến tới cùng thì giáo pháp của Đức Phật mới có thể giữ gìn lâu dài mãi đến đời sau. Nếu nói lời này không đúng thì đạo tổ sẽ tan mất.

Tôi mong các vị lớp sau, xem đây mà răn nhắc.

NGHI NGỒI THIÊN CỦA THIÊN SƯ PHẬT TÂM TÀI Ở THƯỢNG PHONG

Nói về ngồi thiền, Nghĩa là phải vững tâm thẳng ý, sạch vóc trống lòng, xếp chân gài bàn, thu nhìn chỗ nghe, tỉnh táo không mờ, lìa hẳn hôn trầm trạo cử, buông bỏ những việc đã qua, tận tình vất bỏ. Hưởng về nơi định tĩnh, quán kỹ nghĩ ngay. Phải biết ngồi đó mà tâm mà phản chiếu cũng là tâm, phải hiểu những việc có, không, giữa, bên, trong, ngoài đều là Tâm. Tâm này trống mà vẫn biết, lặng mà thường soi. Tròn sáng lâu lâu, không rơi vào chấp thường, chấp đoạn. Thiêng tỏ rõ rõ, lựa chọn chẳng luống dối. Nay thấy các nhà học Phật, ra sức ngồi mà không ngộ, bệnh do đây nương chấp, tình nương theo tà lệch, lầm trái với chánh nhân, luống theo chỉ tác (chỉ thiện, tác ác). Lỗi lầm của việc không tỏ ngộ là do đây. Nếu cũng thu nhiếp một niệm, thâm hợp lý Vô sinh thì gương trí sẽ sáng bừng, hoa lòng liền bung nở. Vô biên chấp trước ngay đó tiêu tan. Nhiều kiếp không tỏ, trong một lúc bỗng

hiện ra. Như người quên chột nhớ, như người bệnh liền lành. Trong lòng sinh vui mừng vì tự biết sẽ được thành Phật. Liền hiểu ngoài tâm vốn không có Phật nào khác. Sau đó phải thuận theo sự tỏ ngộ mà tu thêm, nhân tu mà chứng đắc. Nguồn cội chứng ngộ là ba thứ (ngộ, tu, chứng) không khác nhau. Đó gọi là nhất giải, nhất hạnh tam muội, cũng gọi là vô công dụng đạo. Ấy là có thể chuyển hóa muôn vật mà vẫn không lìa căn trần, tìn thủ niêm lai, phân chia chủ bạn lẫn nhau. Mắt trong nhìn trời đất, xưa nay lại hiện bày, nhìn vào bản thể của máy thần tự nhiên thấy in hợp. Cho nên Cư sĩ Duy-ma-cật nói: “không cần dấy lên định vắng lặng mà vẫn hiện các oai nghi. Đó là yển tọa (ngôi yên)”. Cho nên biết, hễ nước lắng thì trăng hiện, gương sạch thì sáng tròn. Người học đạo, ngôi thiền là quan trọng. Nếu không như thế thì đường tu sẽ lẫn lóc, chìm đắm trong bốn loài. Buốt mũi đau lòng khó mà tự nín lặng. Tôi tạm, viết đại khái để giúp các vị phát triển nguồn chân. Nếu thật chẳng bỏ đường tu thì chúng ta cùng nhau tham khế.

NGHI NGÔI THIÊN CỦA THIÊN SƯ TỬ GIÁC TÔNG TRÁCH Ở TRƯỞNG LÔ

Người học (pháp) Bát-nhã của Bồ-tát trước phải khởi tâm đại bi, phát thệ nguyện rộng lớn, phải chuyên tu pháp tam-muội, thệ độ chúng sinh, không riêng mình cầu giải thoát. Như thế là buông bỏ được duyên, thôi dứt muôn việc, thân tâm như một, động tĩnh không xen (hở), lưỡng việc ăn uống không nhiều không ít, điều hòa việc ngủ nghỉ chẳng bớt chẳng thêm. Khi muốn ngôi thiền phải tìm nơi yên tĩnh, trải nệm để ngôi, nới rộng giải áo, sửa oai nghi ngay ngắn, sau đó mới ngôi kiết-già. Trước lấy bàn chân phải để lên đùi vế trái, lấy bàn chân trái để lên đùi vế phải. Hoặc ngôi bàn già cũng được. Nếu ngôi bàn già thì chỉ lấy bàn chân trái gác lên đùi vế phải mà thôi. Kế đến lấy bàn tay phải đặt lên bàn chân trái, bàn tay trái đặt lên bàn tay phải. Xem ngón cái của hai bàn tay chú đầu vào nhau. Rồi từ từ cất mình về phía trước, lại xoay trở qua hai bên. Phương pháp này gọi là chánh thân đoạn tọa. Không được nghiêng qua ngã lại, cúi trước ngửa sau, đỉnh đầu và xương sống phải đứng thẳng với các khớp xương chống đỡ lẫn nhau, giống như ngọn tháp. Cũng không được ép thân thái quá khiến hơi thở dồn dập không yên. Cốt phải cho tai và vai đối thẳng nhau, sống mũi và đờn điền đối nhau thẳng, lưỡi thì dán sát lên vòm hầu, môi và răng sát vào nhau. Mắt phải hơi mở để khỏi bị hôn trầm. Nếu đạt được thiền định thì năng lực ấy rất tốt. Xưa có vị cao tăng tu thiền định ngôi thường mở mắt. Vị tăng

này đến thưa hỏi Thiền sư Viên Thông ở chùa Pháp Vân, Thông Thiền sư cũng trách những người ngồi thiền mà nhắm mắt. Ngài cho rằng cách ngồi như thế khác nào như núi đen hang quỷ. Vì có ý chỉ sâu xa như thế, nên người thông đạt phải hiểu biết. Khi thân tướng đã an định, hơi thở đã điều hòa, sau đó mới buông thả trong lòng tất cả ý niệm, thiện ác đều không được suy nghĩ so lường, niệm khởi tức giác và giác đó cũng phải bỏ. Lâu ngày quên duyên, tự sẽ thành một khối. Đây chính là yếu thuật của phép ngồi thiền.

Thiết tướng, ngồi thiền là pháp môn đem lại sự an vui, mà có người ngồi lâu đến nổi sinh bệnh. Vì họ vận dụng tâm không đúng. Nếu khéo dùng được ý này thì tự nhiên bốn đại nhẹ nhàng, tinh thần sáng khoái, chánh niệm rõ ràng, nuôi tinh thần bằng pháp vị, lặng lẽ trong sạch yên vui. Nếu những người đã phát minh được trí tuệ, thì có thể nói là như rồng gặp nước, hổ dựa vào non. Nếu người chưa được phát minh, thì cũng như người nhờ gió thổi lửa, không nhọc phải dùng sức nhiều. Nhưng phải vững lòng, không phân biệt, thì chắc chắn chẳng lừa dối nhau. Nhưng đạo cao thì ma thịnh, nghịch và thuận thường có muôn mối, chỉ khi chánh niệm hiện tiền thì tất cả mọi duyên mới không thể làm trở ngại. Như kinh Lăng-nghiêm, Thiên Thai chỉ quán, Khuê Phong Tu Chứng Nghi đều có nói về những việc ma chướng phải dự bị trước để không làm, người ngồi thiền chẳng thể không biết. Nếu khi muốn xuất định phải từ từ động thân, nhẹ nhàng xuất định, không được vội vàng. Sau khi xuất định, trong bất cứ lúc nào cũng phải thường nương vào phương tiện mà hộ trì định lực, giống như việc giữ gìn trẻ thơ. Như thế thì định lực mới dễ thành. Nói về thiền định này, là việc rất gấp, nếu chẳng an thiền tĩnh sự thì đến khi gặp việc chạm duyên sẽ bị mờ mịt không thông. Cho nên mờ châu phải chờ lúc sóng lặng, còn khi nước động mà tìm thì việc lấy ngọc sẽ phải khó khăn. Nếu nước định lắng trong thì tâm châu tự hiện. Cho nên kinh Viên Giác chép: “Trí tuệ vô ngại thanh tịnh đều nương vào thiền định mà sinh”. Kinh Pháp Hoa cũng chép “Ở chỗ vắng lặng tu nhiếp tâm mình, an trụ bất động như núi Tu-di”. Cho nên thế biết việc vượt phạm lên Thánh phải nhờ vào tĩnh duyên, ngồi thác hay đứng mất phải nương vào định lực. Một đời làm xong còn e là lần lửa, huống chi là đời bỏ, thì sẽ lấy gì để chống chọi với nghiệp ma. Cho nên người xưa nói “Nếu không có sức định vững vàng thì đành chịu nép mình trước cửa chết, nhắm mắt về không thì rõ ràng bị trôi lăn. Mong các bạn thiền nên đọc kỹ văn này để làm lợi mình, lợi người, cùng thành chánh giác.

VĂN KHUYÊN THAM THIÊN

Ôi! Giải phải viên giải, lại nhờ vào bậc Tông Sư có mặt sáng. Tu phải viên tu, gởi gắm các bạn đạo trong từng lâm. Nếu kẻ sơ tâm phước mỏng, người bất thiện nường gần thì kiến giải sẽ khô khan, tu hành sinh biếng nhác. Hoặc suy cao cảnh Thánh, cô phụ tánh linh của mình, đâu biết rằng thần thông đức tướng là từ kẻ bất tín phàm phu mà ngộ đạo, hoặc tự cậy vào bản tính thiên chân mà bác không nhân quả, chỉ một bề theo lòng mình suy diễn, không nường vào địa vị tu hành. Vì thế (mà) Pháp sư hiếu cạn (cột) không thông giáo nhần, Thiên khách trống lòng, chẳng quý hạnh môn. Đây chính là cái tội thiên khô.

Hoặc có kẻ khắp mình đập nát, đầy mặt gió bụi, ba ngàn tế hạnh toàn không, tám muôn oai nghi đều thiếu. Hoặc có kẻ giúp nhân sự, lo liệu môn đồ. Thân đạo chơi thị thành, lòng nhiễm thói quê kệch. Cho nên thường tăng chốn núi đồng chưa khỏi kẻ nông phu bõn cột. Thích tử nơi phố chợ lại bị kẻ Nho sĩ dèm chê, đây là cái tội biếng nhác, sao không lia nhà thiền nã, lại cất lưới trần lao hút gió mát mà thăm nơi thần tiên, dò lời hay mà tìm kiếm tri kỷ, lắng thần tổ vực, dứt ý tông thừa. Buồng vắng nhà không, vén áo mà ngồi thiền. Nước biếc non xanh, chống gậy tích mà kinh hành. Nếu chợt có một ngày tâm quang thấu suốt, ngưng trệ tiêu tan như băng, ngay đó sẽ rõ ràng, đâu mê mờ cực quả, ba A-tăng-kỳ xưa nay đầy đủ. Muôn hạnh như hoa đâu ngại tông thuyết gồm thông, như mặt trời chói lợi cõi hư không. Thân tâm đều lặng. Như lưu ly chứa đựng ánh sáng của trăng báu, có thể gọi là có bông mọc trong gai góc, chẳng uốn mà tự thẳng, các dòng chảy về biển cả, đều gọi là ao trời. Lại xét lỗi trước, mới biết là lầm lớn. Lời ngay trái tai, dám mong ghi lòng thì đời này kiếp khác cũng làm bạn pháp.

VĂN TỰ RĂN

Thần tâm rộng chiếu, bậc Thánh im lặng là tông, đã mở ra ba gian, nên noi theo bốn thật. Việc liên quan với lời Thánh, lý đúng với kinh vàng, lý hợp mới năng giúp đỡ giáo thừa, làm sáng tỏ đạo tổ. Mình người cùng lợi, công chẳng uổng làm. Nếu trộm bàn công sự của triều đình, lén nói việc quan liêu của quận huyện. Bàn cãi nước hay dở, luận phong tục tốt xấu, cho đến việc nhỏ công thương hay rồi bàn chuyện nơi chợ giếng, chốn biên thùi giặc cướp, nơi đô thị chiến tranh, văn chương kỹ nghệ, của cải áo cơm. Tự cậy mình là hay, giấu việc tốt của người, bước móc tỳ vết, vạch xem lỗi lầm. Đã trái với phước nghiệp, nào có ích cho đạo tâm. Những lời xằng bậy như thế, đều có hại cho thật đức ngồi

hao của tín thí, giữa mặt thẹn với trời rộng, tội trước đầy bụng, họa sau ngập đầu.
Chúng sinh bị lửa khổ bốn bên đều cháy, đâu nên an nhiên ngồi bàn chuyện vô nghĩa.